

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **481/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 16/9/2020.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giử;
2. Ông Mai M Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 458/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Văn M**, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: ấp S1, xã S2, huyện P, tỉnh An Giang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Ngô Thị C**, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: ấp S3, xã S2, huyện P, tỉnh An Giang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Văn M trình bày:*

Anh và chị Ngô Thị C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ly thân đã hai năm nay. Nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh M yêu cầu được ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh M và chị C có hai con chung tên Lê Văn C1, sinh ngày 21/7/2011 và Lê Gia H, sinh ngày 12/4/2013. Hiện hai con đang sống với mẹ. Khi ly hôn, anh M để chị C tiếp tục nuôi dưỡng hai con, anh không cấp dưỡng nuôi con chung nhưng đề nghị được tới lui thăm nom và chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Ngô Thị C trình bày, chị và anh M chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân đã 02 năm nay, hiện không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị thống nhất với anh M là có hai con chung như anh M đã khai, hiện hai con đang sống với chị. Chị đồng ý nuôi hai con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, đồng ý tạo điều kiện cho anh M đến thăm và chăm sóc con chung.

** Tại phiên tòa:*

- Anh M và chị C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Anh Lê Văn M khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Ngô Thị C, địa chỉ cư trú tại ấp Mỹ Hoà, xã S2, huyện P, tỉnh An Giang nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "tranh chấp ly hôn" và Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh M và chị C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh M và chị C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn là không đúng với quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh chị không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch 01/2016/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh M và chị C.

[2.2] Về con chung:

Anh M và chị C thống nhất có hai con chung tên Lê Văn C1, sinh ngày 21/7/2011 và Lê Gia H, sinh ngày 12/4/2013. Hiện hai con đang sống chung với chị C. Xét thấy, hiện hai con chung đang sống ổn định với chị C và có nguyện vọng được sống chung với mẹ, anh M và chị C cũng thống nhất để chị C tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu C1 và cháu Gia H cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật:

Căn cứ vào quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chị C và những thành viên trong gia đình không được cản trở anh M đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc của hai bên, của cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh M và chị C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do anh M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3, Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch 01/2016/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn M và chị Ngô Thị C.

- Về con chung: Chị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Lê Văn C1, sinh ngày 21/7/2011 và Lê Gia H, sinh ngày 12/4/2013. Hiện hai con đang sống chung với chị C.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Chị C và những thành viên trong gia đình không được cản trở anh M đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Lê Văn M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà anh M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0003629 ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P nên anh M không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn M và chị Ngô Thị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. P;
- Chi cục THA DS H. P;
- Dương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Dương Thùy Dung

